

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG, MÃ NGÀNH: 8510602
(Ban hành theo Quyết định số 464/QĐ-ĐHDL, ngày 28/3 /2024 của
Trường Đại học Điện lực)

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về chương trình đào tạo

- 1.1. Tên trường: Trường Đại học Điện lực
- 1.2. Tên chương trình đào tạo:
- Tên tiếng Việt: Quản lý năng lượng
 - Tên tiếng Anh: Energy Management
- 1.3. Mã ngành đào tạo: 8510602
- 1.4. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- 1.5. Thời gian đào tạo: 18 tháng đối với hệ đào tạo chính quy, 24 tháng đối với hệ đào tạo vừa học vừa làm
- 1.6. Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Thạc sĩ Quản lý năng lượng
- 1.7. Thông tin kiểm định:
- 1.8. Thời điểm cập nhật chương trình đào tạo:

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo (CTĐT) thạc sĩ ngành Quản lý năng lượng (QLNL) giúp người học có được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để trở thành nhà quản lý trong lĩnh vực năng lượng. Người học sau tốt nghiệp có năng lực thực hành cao, có khả năng độc lập, sáng tạo, có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý năng lượng

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

PO1.1. Trang bị hệ thống kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện liên quan đến quản lý năng lượng, chính sách năng lượng, hiệu quả năng lượng; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; các nguyên lý, học thuyết trong lĩnh vực quản lý năng lượng;

PO1.2. Trang bị kiến thức tổng hợp về kinh tế và chính sách năng lượng, hiệu quả năng lượng, phát triển bền vững; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh;

2.2.2. *Kỹ năng*

PO2.1. Trang bị các kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn về năng lượng; tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế;

PO2.2. Trang bị các kỹ năng cần thiết để viết báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; thuyết trình quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

2.2.3. *Thái độ*

PO3.1. Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu gắn với thực tiễn.

3. **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

3.1. *Kiến thức*

- PLO1.1. Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu về quản lý năng lượng;
- PLO1.2. Có kiến thức tổng thể và cập nhật về các hệ thống năng lượng;
- PLO1.3. Có kiến thức chung về quản trị và quản lý các hệ thống năng lượng;

3.2. *Kỹ năng*

- PLO2.1. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, xử lý thông tin và đưa ra các quyết định một cách khoa học;
- PLO2.2. Có kỹ năng truyền đạt thông tin dựa trên phân tích, đánh giá và thảo luận các vấn đề thuộc chuyên môn quản lý năng lượng với người khác;
- PLO2.3. Có kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thị trường năng lượng; dự báo nhu cầu năng lượng....;
- PLO2.4. Có kỹ năng nghiên cứu và sử dụng công nghệ và các phần mềm để phục vụ hoạt động chuyên môn quản lý năng lượng;
- PLO2.5. Có kỹ năng lãnh đạo trong phạm vi hoạt động chuyên môn quản lý năng lượng;
- PLO2.6. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3.3. *Mức tự chủ và chịu trách nhiệm*

- PLO3.1. Có khả năng hiểu biết sâu rộng các vấn đề kinh tế, xã hội để thực hiện tốt chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý năng lượng;
- PLO3.2. Có khả năng đánh giá vấn đề và đưa ra các nhận định, giải pháp và sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực chuyên môn quản lý năng lượng;
- PLO3.3. Có khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản lý năng lượng;
- PLO3.4. Có khả năng giải quyết tốt các bài toán thực tế của doanh nghiệp thuộc chuyên môn quản lý năng lượng;

RI
NI
Ệ
/

3.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

		Mục tiêu đào tạo				PO3.1
		PO1.1	PO1.2	PO2.1	PO2.2	PO3.1
3		Trang bị hệ thống kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện liên quan đến quản lý năng lượng, chính sách năng lượng, hiệu quả năng lượng; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; các nguyên lý, học thuyết trong lĩnh vực quản lý năng lượng	Trang bị kiến thức tổng hợp về kinh tế và chính sách năng lượng, hiệu quả năng lượng, phát triển bền vững; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh	Trang bị các kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn về năng lượng; tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế	Trang bị các kỹ năng cần thiết để viết báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; thuyết trình quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau	Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và tư nghiên cứu gắn với thực tiễn.
PLO1.1	Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu về quản lý năng lượng	4	4			4
PLO1.2	Có kiến thức tổng thể và cập nhật về các hệ thống năng lượng	4	4	4		4
PLO1.3	Có kiến thức chung về quản trị và quản lý các hệ thống năng lượng		4			4
PLO2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, xử lý thông tin và đưa ra các quyết định một cách khoa học	4	4		4	4
PLO2.2	Có kỹ năng truyền đạt thông tin dựa trên phân tích, đánh giá và thảo luận các vấn đề thuộc chuyên môn quản lý năng lượng với người khác		4			

Mục tiêu đào tạo					
3	PO1.1	PO1.2	PO2.1	PO2.2	PO3.1
		Trang bị hệ thống kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện liên quan đến quản lý năng lượng, chính sách năng lượng, hiệu quả năng lượng; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; các nguyên lý, học thuyết trong lĩnh vực quản lý năng lượng	Trang bị kiến thức tổng hợp về kinh tế và chính sách năng lượng, hiệu quả năng lượng, phát triển bền vững; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh	Trang bị các kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn về năng lượng; tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế	Trang bị các kỹ năng cân thiết kế viết báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; thuyết trình quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau
PLO2.3	Có kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thị trường năng lượng; dự báo nhu cầu năng lượng	4	4	4	
PLO2.4	Có kỹ năng nghiên cứu và sử dụng công nghệ và các phần mềm để phục vụ hoạt động chuyên môn quản lý năng lượng	3		3	
PLO2.5	Có kỹ năng lãnh đạo trong phạm vi hoạt động chuyên môn quản lý năng lượng;	4			3
PLO2.6	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.				
PLO3.1	Có khả năng hiểu biết sâu rộng các vấn đề kinh tế, xã hội để thực hiện tốt chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý năng lượng;		4		
PLO3.2	Có khả năng đánh giá vấn đề và đưa ra các nhận định, giải pháp và sáng kiến quan				4

Mục tiêu đào tạo					
	PO1.1	PO1.2	PO2.1	PO2.2	PO3.1
3	Trang bị hệ thống kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện liên quan đến quản lý năng lượng, chính sách năng lượng, hiệu quả năng lượng; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; các nguyên lý, học thuyết trong lĩnh vực quản lý năng lượng	Trang bị kiến thức tổng hợp về kinh tế và chính sách năng lượng, hiệu quả năng lượng, phát triển bền vững; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh	Trang bị các kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn về năng lượng; tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn đề xuất các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế	Trang bị các kỹ năng cần thiết để viết báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; thuyết trình quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau	Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu gắn với thực tiễn.
	trong trong lĩnh vực chuyên môn quản lý năng lượng				
PLO3.3	Có khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản lý năng lượng	4	4	4	4
PLO3.4	Có khả năng giải quyết tốt các bài toán thực tế của doanh nghiệp thuộc chuyên môn quản lý năng lượng	4	4		4

3.5. Đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ

Trong nước

- Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý năng lượng - ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh

Ngoài nước

- Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý năng lượng – University of Texas at Dallat, Hoa Kỳ
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý năng lượng – New York Institute of Technology, Hoa Kỳ
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý năng lượng – University of Technology, Malaysia

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và phát triển sau tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ QLNL có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ, theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ liên quan đến quản lý năng lượng, kinh tế năng lượng, kỹ thuật năng lượng...

5. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ có thể đảm nhận các công việc như:

- Quản lý cấp trung và cấp cao trong các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng;
- Cán bộ vận hành, điều hành tại các đơn vị hoạt động trong thị trường điện, thị trường năng lượng;
- Giảng viên trong các trường cao đẳng, đại học đào tạo về lĩnh vực lĩnh vực năng lượng;
- Nhà nghiên cứu, nhà quản lý trong các viện nghiên cứu về năng lượng;
- Cán bộ quản lý, điều hành trong lĩnh vực năng lượng tại các cơ quan quản lý nhà nước, hoạch định chính sách liên quan đến năng lượng (Sở Công Thương, Sở khoa học công nghệ,...); các tổ chức quốc tế (WB, GIZ,...);
- Các vị trí công việc khác trong các doanh nghiệp.

6. Thông tin tuyển sinh

6.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) ngành phù hợp; đối với CTĐT định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và đáp ứng theo Điều 5 trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 666/QĐ-ĐHĐL ngày 31 tháng 05 năm 2022.

6.2. Danh mục ngành phù hợp và ngành gần

a) Ngành đúng và ngành phù hợp – Nhóm 1

Người có bằng tốt nghiệp đại học sau đây thì không phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Có bằng tốt nghiệp ngành Quản lý năng lượng không quá 5 năm tính đến thời điểm dự tuyển;
- Có bằng tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp do Trường Đại học điện lực cấp không quá 5 năm tính đến thời điểm dự tuyển.

b) Ngành gần – Nhóm 2

Người có bằng tốt nghiệp đại học gần với ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý năng lượng phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Các ngành thuộc nhóm ngành *Kinh doanh – quản lý* (Danh mục giáo dục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Các ngành thuộc nhóm ngành *Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật* (Danh mục giáo dục đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo) được dự thi sau khi hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức;

c) Ngành khác – Nhóm 3

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành không thuộc nhóm 1 và nhóm 2 sẽ do Hội đồng Khoa xem xét cụ thể theo quy định.

6.3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Vận hành kinh tế HTĐ	3	Không phải học	x	Hội đồng Khoa xem xét
2	Sử dụng NL TK&HQ	3		x	
3	Cơ sở kinh tế năng lượng	2		x	

6.4. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh

Căn cứ vào điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ theo quy định hiện hành, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường sẽ quyết định chỉ tiêu tuyển sinh và số lần tuyển sinh trong năm.

Nhà trường áp dụng phương thức xét tuyển cho tuyển sinh trình độ thạc sĩ đối với công dân Việt Nam và nước ngoài.

6.5. Điều kiện trúng tuyển

Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điều kiện trúng tuyển theo chỉ tiêu đã thông báo và tổng điểm xét hồ sơ. Điều kiện trúng tuyển được xét như sau:

- a) Xét tuyển theo ngành đào tạo;
- b) Lấy điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển được tính bằng điểm trung bình học tập và điểm ưu tiên theo đối tượng, theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu xét tuyển.

Điểm trung bình học tập là điểm trung bình chung toàn khóa học trong chương trình đại học và điểm trung bình các học phần bổ sung kiến thức (nếu có).

Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm tích lũy trong đào tạo tín chỉ (Thang điểm 4). Trong trường hợp thí sinh dự tuyển tốt nghiệp đại học hệ niên chế thì sẽ được chuyển đổi sang thang điểm 4 theo bảng quy đổi trong phụ lục 5 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Điện lực được ban hành kèm theo trong Quyết định số 666/QĐ-ĐHDL ngày 31/5/2022.

Trường hợp có nhiều thí sinh cùng điểm thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường.

Xét tuyển đối với công dân nước ngoài được thực hiện theo Khoản 6 Điều 7 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Điện lực được ban hành kèm theo trong Quyết định số 666/QĐ-ĐHDL ngày 31/5/2022.

6.6. Công nhận tín chỉ

Học viên tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ ngành Quản lý năng lượng của Trường Đại học Điện lực có thời gian tốt nghiệp không quá 5 năm được công nhận và chuyển đổi điểm cho các học phần sau:

- a) Quản lý dự án
- b) Các lý thuyết dự báo
- c) Mô hình quản lý năng lượng
- d) Sử dụng năng lượng hiệu quả

7. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng

- a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp điểm đạt từ 5,5 trở lên;
- b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt

Nam tại quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Trường hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; hoặc có chứng nhận tiếng Anh tương đương trở lên do Nhà trường cấp.

c) Đã nộp đề án tốt nghiệp được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng và người hướng dẫn về việc đề án tốt nghiệp đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp và nhận xét của các phản biện, nộp đề án tốt nghiệp cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại trung tâm học liệu và lưu trữ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Trường.

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

8. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Định hướng ứng dụng: 60 tín chỉ

Khối kiến thức	Tín chỉ (TC)		
	Bắt buộc	Tự chọn	Tỷ lệ %
Kiến thức chung	03	0	5,0%
Kiến thức CSN và chuyên ngành	10	29	65,0%
Thực tập tốt nghiệp	9	0	15,0%
Đề án tốt nghiệp	9	0	15,0%
Tổng số tín chỉ toàn khoá học	60		100%

8.2. Khung chương trình dạy học

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý năng lượng theo định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ (TC) như sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC
A	Kiến thức chung		3
1	THSTH002	Triết học	3
A. Kiến thức CSN và CN			
B	Học phần bắt buộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		10
I	Học phần cơ sở ngành (02 học phần)		5

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC
2	QL001	Kinh tế học nâng cao	2
3	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3
II	Học phần chuyên ngành (02 học phần)		5
4	QL003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
5	QL004	Lãnh đạo và quản lý	3
C	Học phần tự chọn (chọn 12/19 học phần)		29
6	QL005	Lý thuyết tăng trưởng	2
7	QL006	Năng lượng và môi trường nâng cao	2
8	QL007	Quản lý dự án	2
9	QL008	Phân tích hệ thống năng lượng	3
10	QL009	Phương pháp định mức năng lượng	3
11	QL010	Vận hành thị trường điện	3
12	QL011	Các lý thuyết dự báo	2
13	QL012	Sử dụng năng lượng hiệu quả	3
14	QL013	Mô hình quản lý năng lượng	3
15	QL014	Năng lượng tái tạo	2
16	QL015	Quản lý bảo dưỡng	2
17	QL016	Quản lý nhu cầu điện năng (DSM)	2
18	QTKD001	Quản trị vận hành doanh nghiệp nâng cao	3
19	KTQL002	Phương pháp định lượng và ra QĐ trong quản lý	3
20	QL030	Quản lý năng lượng trong công nghiệp	2
21	QL031	Phân tích tài chính và đầu tư	2
22	QL032	Chiến lược chào giá	2
23	QL033	Qui hoạch phát triển hệ thống điện	2
24	THSTA001	Tiếng Anh	3
D	Thực tập và đề án tốt nghiệp		18
25	QL017	Thực tập tốt nghiệp	9
26	QL018	Đề án tốt nghiệp	9
Tổng số tín chỉ toàn khoá học			60

8.3. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	
				Chính quy	VHVL
A	Kiến thức chung		3		
1	THSTH002	Triết học	3	1	1
A. Kiến thức CSN và CN					
B	Học phần bắt buộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		10		
I	Học phần cơ sở ngành (02 học phần)		5		
2	QL001	Kinh tế học nâng cao	2	1	1
3	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3	1	1
II	Học phần chuyên ngành (02 học phần)		5		
4	QL003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
5	QL004	Lãnh đạo và quản lý	3	1	1
C	Học phần tự chọn (chọn từ HP số 6 đến HP số 17)		29		
6	QL005	Lý thuyết tăng trưởng	2	1	2
7	QL006	Năng lượng và môi trường nâng cao	2	1	2
8	QL007	Quản lý dự án	2	1	2
9	QL008	Phân tích hệ thống năng lượng	3	2	2
10	QL009	Phương pháp định mức năng lượng	3	2	2
11	QL010	Vận hành thị trường điện	3	2	2
12	QL011	Các lý thuyết dự báo	2	2	3
13	QL012	Sử dụng năng lượng hiệu quả	3	2	3
14	QL013	Mô hình quản lý năng lượng	3	2	3

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Học kỳ	
				Chính quy	VHVL
16	QL015	Quản lý bảo dưỡng	2	2	3
17	QL016	Quản lý nhu cầu điện năng (DSM)	2	3	3
18	QTKD001	Quản trị vận hành doanh nghiệp nâng cao	3	1	1
19	KTQL002	Phương pháp định lượng và ra QĐ trong quản lý	3	1	1
20	QL030	Quản lý năng lượng trong công nghiệp	2	2	2
21	QL031	Phân tích tài chính và đầu tư	2	2	2
22	QL032	Chiến lược chào giá	2	2	2
23	QL033	Qui hoạch phát triển hệ thống điện	2	2	2
24	THSTA001	Tiếng Anh	3	1	1
D	Thực tập và đề án tốt nghiệp		18		
25	QL017	Thực tập tốt nghiệp	9	3	4
26	QL018	Đề án tốt nghiệp	9	3	4
Tổng số tín chỉ toàn khoá học			60		

8.4 Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT
(5 cấp bậc đánh giá: 1. Hiều; 2. Ứng dụng; 3. Phân tích; 4. Tổng hợp; 5. Đánh giá)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	LT	TH	Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ và TN					
						1	2	3	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	
1	THSTH002	Triết học	3	45	0				3							3	3		
2	QL001	Kinh tế học nâng cao	2	30	0			4					3			4			3
3	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3	45	0		3		4	3		3				3	3		
4	QL003	Phương pháp nghiên cứu KH	2	30	0		3		3	4		3							3
5	QL004	Lãnh đạo và quản lý	3	45	0				4			3		4					3
6	QL005	Lý thuyết tăng trưởng	2	30	0		3	3	3										3
7	QL006	NL và môi trường nâng cao	2	30	0			4	4	3						4			
8	QL007	Quản lý dự án	2	30	0				3	3		3							3
9	QL008	Phân tích hệ thống NL	3	45	0		4	3		4	3								4
10	QL009	Phương pháp định mức năng lượng	3	45	0		3			3			4						3
11	QL010	Vận hành thị trường điện	3	45	0		3		3			3							3
12	QL011	Các lý thuyết dự báo	2	30	0		3			3			4						3
13	QL012	Sử dụng năng lượng hiệu quả	3	45	0		3	4		3	3								3
14	QL013	Mô hình quản lý năng lượng	3	45	0		3		4			3							3
15	QL014	Năng lượng tái tạo	2	30	0		3						4						3
16	QL015	Quản lý bảo dưỡng	2	30	0			2						3	2				3
17	QL016	QL nhu cầu điện năng (DSM)	2	30	0		3		3	4		3							3

9. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy trực tiếp trên lớp/giảng dạy online
- Đặt vấn đề; Thuyết trình;
- Thảo luận nhóm;
- Bài tập tình huống;
- Báo cáo chuyên đề.

9.2. Phương pháp học tập

- Học tập trên lớp;
- Tự nghiên cứu;
- Báo cáo chuyên đề.

9.3. Cách thức đánh giá

- Đánh giá quá trình;
- Đánh giá kết thúc học phần.

Các học phần thạc sĩ (lý thuyết, thực tập) và đề án tốt nghiệp được đánh giá theo thang điểm 10 và được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định tại quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT	Ghi chú
1	Trịnh Văn Toàn	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	2007, ĐHĐL	Triết học	
2	Đình Văn Châu	PGS, TS. Nhật bản	Năng lượng	2021, ĐHĐL	Phương pháp NCKH	
3	Nguyễn Thị Bích Liên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Tiếng Anh	1999, ĐHĐL	Tiếng Anh	
4	Dương Trung Kiên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế	2005, ĐHĐL	Kinh tế học nâng cao;	
					Phương pháp định mức năng lượng	
5	Trương Huy Hoàng	Tiến sĩ, Nhật bản	Kinh tế	2004; ĐHĐL	Kinh tế lượng nâng cao; Lý thuyết tăng trưởng	
6	Nguyễn Đạt Minh	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế	2018, ĐHĐL	Lãnh đạo và quản lý; Mô hình quản lý năng lượng;	
7	Lê Anh Tuấn	PGS. TS, Hà Lan, 2005	Kinh tế	2007, ĐHĐL	Quản lý bảo dưỡng	

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT	Ghi chú
8	Ngô Tuấn Kiệt	Tiến sĩ, Liên Xô 1980	Năng lượng	2018, ĐHĐL	Sử dụng năng lượng hiệu quả	
9	Đàm Khánh Linh	Tiến sĩ, Ý, 2015	KT điện	2008, ĐHĐL	Vận hành thị trường điện; Chiến lược chào giá	
10	Nguyễn Cảnh Nam	Phó giáo sư, 2004; Tiến sĩ, Tiệp Khắc, 1981	Kinh tế mở	2018, ĐHĐL	Năng lượng và môi trường nâng cao; Năng lượng tái tạo;	
11	Nguyễn Ngọc Thía	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế	2009, ĐHĐL	Quản lý bảo dưỡng	
12	Trần Hồng Nguyên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Kinh tế NL	2012, ĐHĐL	Phương pháp dự báo; Dự án đầu tư; Quy hoạch và phát triển hệ thống điện	
13	Vũ Minh Pháp	Tiến sĩ, Nhật bản	Hệ thống điện	2022, ĐHĐL	Quản lý nhu cầu (DSM); Đầu tư và phát triển bền vững trong thị trường điện cạnh tranh	
14	Đỗ Thị Hiệp	Tiến sĩ, CHLB Đức	KT điện	2011, ĐHĐL	Năng lượng tái tạo Phân tích hệ thống NL	

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

PHÒNG HỌC, GIẢNG ĐƯỜNG, TRANG THIẾT BỊ HỖ TRỢ GIẢNG DẠY

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần /môn học	Diện tích (m ²)	
1	Phòng học	105	14.337					
2	Phòng máy tính	5	875	Máy tính	218			
3	Phòng học ngoại ngữ	0	0					
4	Hội trường	1	292					
5	Thư viện	2	1.176	Sách	5.203			

PHÒNG THÍ NGHIỆM, CƠ SỞ THỰC HÀNH VÀ TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ THÍ NGHIỆM, THỰC HÀNH

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	
1	Phòng thí nghiệm Kiểm toán năng lượng	45	Mô hình Phân tích chất lượng điện năng với động cơ Quạt	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp;	
2			Mô hình Phân tích chất lượng điện năng với động cơ Bơm	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp;	
3			Mô hình thí nghiệm với lò hơi	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp;	
4			Mô hình thí nghiệm hệ thống điều hòa không khí trung tâm	1	Mô hình quản lý năng lượng	
5			Mô hình thí nghiệm chiếu sáng	1	Mô hình quản lý năng lượng	

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	
6			Mô hình thí nghiệm với thiết bị khí Nén	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp;	
7			Bộ thiết bị phân tích chất lượng điện năng Hioki PW3198	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp;	
8			Bộ thiết bị Ampe Kìm đo công suất Hioki 3286	3	Quản lý năng lượng trong công nghiệp;	
9			Đồng hồ đo nhiệt độ chất lỏng Hioki LR 5011	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp;	
10			Thiết bị đo nhiệt độ trực tiếp Hioki 3442	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp;	
11			Thiết bị đo nhiệt độ bằng hồng ngoại Hioki 3443	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp;	
12			Máy đo khoảng cách Fluke 424D	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp;	
13			Thiết bị đo lưu lượng và độ ẩm của dòng không khí Testo	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp	
14			Thiết bị phân tích khí E Intrusment 1100	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp	
15			Đồng hồ đo lưu lượng chất lỏng bằng sóng siêu âm Testo	1	Quản lý năng lượng trong công nghiệp	

THƯ VIỆN

- Diện tích thư viện: CS1: 874,8 m ² ; CS2: 210m ²	- Diện tích phòng đọc: 700 m ²
- Số chỗ ngồi: 300	- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 12
- Phần mềm quản lý thư viện: LIBOL	
- Thư viện điện tử: IEEE, ACM, Science Direct, Proquest	- Số lượng sách: 38.931 cuốn

DANH MỤC GIÁO TRÌNH DÙNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần/ học phần	Ghi chú
1	Giáo trình kinh tế học vi mô	Nguyễn Đại Thắng	NXB Giáo dục	2009	5	Kinh tế học nâng cao	
2	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Dân	NXB Tài chính	2008	10	Kinh tế học nâng cao	
3	Kinh tế lượng, chương trình nâng cao.	Nguyễn Quang Đông	NXB khoa học kỹ thuật	2007	7	KINH TẾ LƯỢNG NÂNG CAO	
4	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.	Vũ Cao Đàm	NXB Khoa học kỹ thuật	2005	9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	
5	Khoa học quản lý	Lê Văn Phùng et al	NXB Thông tin và truyền thông	2014	1	Lãnh đạo và quản lý	
6	Giáo trình Khoa học quản lý đại cương	Phạm Ngọc Thanh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2019	2	Lãnh đạo và quản lý	
7	Lý thuyết tăng trưởng	Đàm Xuân Hiệp	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2010	278	Lý thuyết tăng trưởng	
8	Giáo trình Năng lượng và môi trường	PGS.TS Nguyễn Cảnh Nam, TS. Nguyễn Hương Mai	Trường Đại học Điện lực	2014	PDF	Năng lượng và môi trường nâng cao	
9	Giáo trình Quản lý dự án	PGS.TS Từ Quang Phương	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2014	1	Quản lý dự án	
10	Renewable and efficient electric power systems	Gilbert M. Masters	A John Wiley & Sons, Inc., publication	2013	PDF	Phân tích hệ thống năng lượng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần/ học phần	Ghi chú
11	Systems Benchmarking (for Scientists and Engineers)	Samuel Kounev, Klaus-Dieter Lange, Jóakim von Kistowski	Springer Cham	2020	PDF	PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH MỨC NĂNG LƯỢNG	
12	Power System Economics – Designing Markets for Electricity	Steven Stoft	A John Wiley & Sons, Inc., Publication	2002	PDF	VẬN HÀNH THỊ TRƯỜNG ĐIỆN	
13	Giáo trình dự báo nhu cầu điện năng.	Khoa Quản lý năng lượng			PDF	CÁC LÝ THUYẾT DỰ BÁO	
14	Giáo trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	Ngô Tuấn Kiệt	NXB Hội Điện lực	2014	PDF	SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ	
15	Tài liệu đào tạo Người Quản lý năng lượng	Bộ công thương	NXB Giao thông vận tải	2010	3	MÔ HÌNH QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG	
16	Cơ sở năng lượng tái tạo	Dương Ngọc Huyền	NXB Bách khoa Hà Nội	2022	PDF	NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO	
17	Quản lý bảo trì công nghiệp	PGS.TS. Phạm Ngọc Tuấn	NXB: ĐH Bách khoa TP Hồ chí Minh	2017	1	QUẢN LÝ BẢO DƯỠNG	
18	Peak energy demand and side response	Jacopo Torriti	ROUTLEDGE	2016	PDF	QUẢN LÝ NHU CẦU ĐIỆN NĂNG	
19	Tài liệu đào tạo Người Quản lý năng lượng	Bộ công thương	NXB Giao thông vận tải	2010	PDF	QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG TRONG CÔNG NGHIỆP	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần/ học phần	Ghi chú
20	Giáo trình đầu tư tài chính	Võ Thị Thúy An	NXB Tài chính	2012	20	PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ	
21	Market Operations in Electric Power System	Mohammad Shahidehpour	New York AJohn Wiley	2002	1	CHIẾN LƯỢC CHÀO GIÁ	
22	Qui hoạch phát triển hệ thống điện	Nguyễn Lâm Tráng	NXB Khoa học và Kỹ thuật.	2007	11	QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐIỆN	
23	Quản trị tác nghiệp	Trương Đắc Lực	Nhà xuất bản đại học Kinh Tế Quốc Dân.	2017	PDF	QUẢN TRỊ VẬN HÀNH NÂNG CAO	
24	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế	Lê Anh Tuấn và Cộng sự	NXB Giáo dục Việt Nam.	2012	3	PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG VÀ RA QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ	
25	The Problem-Solving, Problem-Prevention, and Decision-Making Guide: Organized and Systematic Roadmaps for Managers 1st Edition	Bob Sproull	Productivity Press Publisher	2018	PDF	PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG VÀ RA QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ	

12. Mô tả tóm tắt học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả học phần
1	THSTH002	Triết học	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật; những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng; những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội
2	QL001	Kinh tế học nâng cao	2	Trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về thị trường, cấu trúc thị trường, hành vi của người tham gia thị trường cũng như các vấn đề của hàng hóa công cộng và phúc lợi xã hội
3	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3	Trang bị cho học viên những nguyên tắc cơ bản để xây dựng các mô hình kinh tế lượng. Các phương pháp ước lượng và kiểm định các mô hình, cách thức sử dụng các mô hình để phục vụ cho việc phân tích và dự báo. Trong học phần này học viên được giới thiệu một số phân mềm về kinh tế lượng thông dụng hiện nay
4	QL003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Trang bị cho các học viên những kiến thức, kỹ năng tổ chức và thực hiện một nghiên cứu độc lập: Cấu trúc của một nghiên cứu; Quy trình thực hiện; Các phương pháp cơ bản sử dụng trong phân tích, tổng hợp; cách so sánh, lựa chọn hướng nghiên cứu khoa học; tìm tòi, tích lũy và khai thác các thông tin khoa học; Cách thức viết và trình bày một bài báo, một công trình khoa học; Cấu trúc trình bày một luận văn
5	QL004	Lãnh đạo và quản lý	3	Trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu liên quan đến phương pháp, công cụ, kỹ thuật lãnh đạo và quản lý các hoạt động chuyên môn liên quan trong doanh nghiệp
6	QL005	Lý thuyết tăng trưởng	2	Đưa ra các vấn đề cơ bản về tăng trưởng cân bằng và phi cân bằng cũng như các mô hình tăng trưởng cân bằng và phi cân bằng
7	QL006	Năng lượng và môi trường nâng cao	2	Trang bị cho học viên các thông tin về tiềm năng, tình hình khai thác, sản xuất, thương mại, sử dụng các nguồn tài nguyên năng lượng trên thế giới và trong nước; các vấn đề môi trường trong việc khai thác, chế biến, sử dụng các nguồn tài nguyên năng lượng; quản lý và phát triển các phân ngành năng

		Mô tả học phần	
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
			lượng theo hướng tăng trưởng xanh, nền kinh tế xanh - các bon thấp, kinh tế tuần hoàn, an ninh năng lượng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
8	QL007	Quản lý dự án	2
9	QL008	Phân tích hệ thống năng lượng	3
10	QL009	Phương pháp định mức năng lượng	3
11	QL010	Vận hành thị trường điện	3
12	QL011	Các lý thuyết dự báo	2
13	QL012	Sử dụng năng lượng hiệu quả	3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả học phần
14	QL013	Mô hình quản lý năng lượng	3	Trang bị cho học viên những kiến thức về các mô hình quản lý năng lượng đang áp dụng trên thế giới cũng như cách thức để xây dựng một mô hình quản lý năng lượng cho các doanh nghiệp trọng điểm
15	QL014	Năng lượng tái tạo	2	Các khái niệm về năng lượng tái tạo, định hướng phát triển năng lượng tái tạo tại trên Thế giới và Việt Nam; Các phương pháp phân tích và đánh giá hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả kinh tế-tài chính đối với một dự án sử dụng năng lượng tái tạo; Khả năng và phương pháp ứng dụng năng lượng phân tán cho sinh hoạt và sản xuất
16	QL015	Quản lý bảo dưỡng	2	Trang bị cho học viên những hiểu biết cơ bản về: Hệ thống quản lý bảo dưỡng; Phương pháp phân tích và lập kế hoạch bảo dưỡng; Xây dựng chiến lược bảo dưỡng; ứng dụng tin học trong bảo dưỡng
17	QL016	Quản lý nhu cầu điện năng (DSM)	2	Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về quản lý nhu cầu (Demand Side Management – DSM) điện năng trong quy hoạch và quản lý vận hành các hệ thống cung cấp điện
18	QTKD001	Quản trị vận hành doanh nghiệp năng cao	3	Học phần cung cấp kiến thức về cốt lõi hệ thống vận hành sản xuất của doanh nghiệp, kiến thức về quản lý vận hành và kỹ năng cần thiết; giải quyết vấn đề sản xuất và ra quyết định vận hành hệ thống sản xuất. Học phần cũng trang bị cho học viên kiến thức các phương pháp quản lý sản xuất tiên tiến và kiến thức về các hệ thống sản xuất trong thực tiễn
19	KTQL002	Phương pháp định lượng và ra QĐ trong quản lý	3	Cung cấp cho học viên một số kỹ thuật nâng cao giúp mô hình hóa bài toán phức tạp, nắm các phương pháp giải một số bài toán quy hoạch số nguyên, quy hoạch động, và lý thuyết hàng đợi. Trang bị cho học viên kỹ năng xử lý các tình huống phức tạp trong thực tế quản lý kinh tế, giúp đưa ra quyết định tối ưu nhất cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp kiến thức về giải quyết vấn đề và ra quyết định thông qua quy trình và các công cụ hỗ trợ

		Mô tả học phần		
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	
20	QL030	Quản lý năng lượng trong công nghiệp	2	Trang bị cho học viên các giải pháp tiết kiệm năng lượng mang tính truyền thống áp dụng được phổ biến trong hầu hết các ngành công nghiệp; Các giải pháp tiết kiệm năng lượng mang tính đặc thù công nghệ trong từng ngành công nghiệp
21	QL031	Phân tích tài chính và đầu tư	2	Cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư tài chính để hình thành kỹ năng đánh giá, lựa chọn và ra quyết định (hoặc tư vấn) đầu tư tài chính gồm: xác định giá trị của các chứng khoán, các nguyên tắc đầu tư tài chính với các công cụ quản lý rủi ro trong hoạt động này, lựa chọn danh mục đầu tư
22	QL032	Chiến lược chào giá	2	Cung cấp cho học viên các kiến thức về chi phí sản xuất điện, chiến lược chào giá trong thị trường phát điện cạnh tranh và phân tích hành vi chiến lược của các công ty phát
23	QL033	Qui hoạch và phát triển hệ thống điện	2	Cung cấp các khái niệm cơ bản và nâng cao về xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn hệ thống điện (HTĐ) quốc gia, bao gồm nội dung và các bước cần thiết để xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống điện
24	THSTA001	Tiếng Anh	3	Hiểu và nắm được những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng ở cấp độ B2 (CEFR) trong chương cấp độ 4 KNLNNVN. Hiểu về các kiến thức văn hóa xã hội, kinh tế kỹ thuật giúp học viên thành thạo trong giao tiếp cũng như làm tốt bài thi ở cấp độ này
25	QL017	Thực tập tốt nghiệp	9	Trang bị cho học viên những kiến thức thực tế, vận dụng những kiến thức lý thuyết được học để giải quyết một vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp
26	QL018	Đề án tốt nghiệp	9	Học viên nghiên cứu theo các chuyên đề khác nhau.

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý năng lượng được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học Điện lực và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đảm bảo sự liên thông phù hợp với quy định hiện hành.

Học viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin Trường Đại học Điện lực để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <https://epu.edu.vn> và của Phòng Đào tạo Sau đại học tại địa chỉ <https://dgs.epu.edu.vn>;

Phòng Đào tạo Sau Đại học Trường Đại học Điện lực tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giảng dạy theo quy chế đào tạo hiện hành. Trong quá trình thực hiện, các khoa quản lý chương trình đào tạo đề xuất thay đổi các học phần tự chọn, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn.

Ít nhất 2 năm một lần, chương trình đào tạo ThS. QLNL sẽ tổ chức đánh giá chương trình đào tạo sao cho phù hợp với những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, học phần hoặc nội dung chuyên môn... Việc rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

14. Đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá định kỳ nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT. Mỗi CDR phải được đánh giá tối thiểu 02 (hai) lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT (tối đa 5 năm). Kết quả rà soát, đánh giá được áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường khoa tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT theo quy định hiện hành của BGD&ĐT và của Trường ĐHĐL.

Hiệu trưởng quyết định công bố CTĐT dưới dạng CTĐT mới hoặc CTĐT sửa đổi, bổ sung sau khi đánh giá và cập nhật trên cơ sở đề xuất của Hội đồng khoa học và Đào tạo.



II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QLNL được ban hành kèm theo)

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

TRƯỞNG KHOA



Dương Trung Kiên

HIỆU TRƯỞNG


Đinh Văn Châu